TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-PT
Ngày: 26-02-2020
V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14/02/2020 và ngày 26/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019, về *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 04/9/2019 của Toà án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT, ngày 16 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là ông Trần Minh P, sinh năm 1957; địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019) (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn G, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 PhanThị H (L), sinh năm 1980 (có mặt).

3.2 Nguyễn Văn A, sinh năm 1965 (vắng mặt).

3.3 Lê Kim N, sinh năm 1969 (vắng mặt).

3.4 Nguyễn Văn Đ (Đ), sinh năm 1961(vắng mặt).

3.5 Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt).

3.6 Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 (vắng mặt).

3.7 Nguyễn Văn C, sinh năm 2000 (vắng mặt).

3.8 Nguyễn Quang V, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

3.9 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, Đồng Tháp

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn G là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Cha bà tên Nguyễn Văn Đ (chết năm 2007) và mẹ tên Nguyễn Thị B (chết 2006), lúc cha mẹ còn sống tạo dựng được diện tích đất là 24.600m^2, gồm các thửa 1505, tờ bản đồ số 03, diện tích 150 m^2, đất lúa; thửa 1504, tờ bản đồ số 03, diện tích 9.205 m^2, đất lúa; thửa 1506, tờ bản đồ số 03, diện tích 904 m^2, đất lúa; thửa 370, tờ bản đồ số 03, diện tích 8.049 m^2, đất lúa; thửa 1569, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.162m^2, đất lúa; thửa 1568, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.294 m^2 đất thổ, tọa lạc ấp 5, xã Đốc Binh K, Tháp M, Đồng Tháp.

Năm 1989, cụ Đ, cụ B có cho bà 1.000m^2 đất vườn thửa số 1569, tờ bản đồ số 3 và 2.000m^2 đất ruộng, thửa 1504 tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp 5, xã Đốc Binh K, Tháp M, Đồng Tháp. Nên bà cất nhà ở và canh tác diện tích đất này từ năm 1989 cho đến nay, có vị trí đất vườn phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn A, phía Tây và phía Nam giáp đất Nguyễn Văn G, phía Bắc giáp lộ 846; Vị trí đất ruộng phía Đông giáp đất ông Tư Rạng, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn G, Phía Nam giáp mương lộ, phía Bắc giáp đất ông Út lò rèn.

Sau khi cụ Đ, cụ B chết, đất do cụ Đ đứng tên, nhằm hợp thức hóa hồ sơ để tiện giao dịch vay Ngân hàng và những giao dịch khác nên ông G yêu cầu các anh, chị em cho ông G được chuyển từ tên cụ Đ sang cho ông G đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Qua yêu cầu trên bà thấy cũng hợp lý nên đã để ông G đại diện đứng

tên và ông G được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thừa kế.

Nay ông G đến đập phá nhà cửa, chặt cây cối, xua đuổi và rào chắn nhà bà lại không cho bà ở trên diện tích đất này với lý do ông G đứng tên toàn bộ diện tích cha mẹ bà chết để lại. Nên bà yêu cầu hộ ông G, bà H chia thừa kế theo pháp luật và theo nguyện vọng của cha mẹ bà là cho bà diện tích 1.000m^2, đất vườn, thửa 1569, tờ bản đồ số 3 và 2.000m^2 đất ruộng, thửa 1504, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn G, Phan Thị H cùng trình bày: Lúc cha mẹ còn sống có cho bà Đẹp 02 công đất ruộng ở kênh Bảy T nhưng bà Đ không nhận nên chia cho các anh trai, còn 10 công đất vườn thì cha mẹ nói dưỡng già và thờ cúng ông bà ở chung với ông G nên giao cho ông G, còn bà Đ thì cho cất nhà cặp đường lộ để mua bán sinh sống chứ không cho đất, nên ông G thực hiện theo lời hứa của cha mẹ là cho bà Đ ở hết đời chứ không tách bộ.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2000 ông có vợ và cha mẹ đã cho ông 3.500m^2, đất ruộng ở khu vực ấp 4, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M. Nay ông không yêu cầu gì thêm trong việc tranh chấp chia thừa kế giữa bà Đ và ông G.

Các đương sự khác không có ý kiến trình bày.

Bản án sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, Đồng Tháp tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho ông Trần Minh P.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn G, Phan Thị H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Quang V giao cho bà Nguyễn Thị Đ diện tích 300m^2 tại một phần thửa 1569, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M được xác định như sau:

Ngang mặt tiền giáp lộ 846 là 12m (điểm I – II được tính từ mí nhà bà Đ (hướng tây) giáp với lối đi của ông G kéo về hướng đông), ngang hậu giáp đất còn lại của ông G thửa 1569 là 12m (điểm III – IV); dài hướng tây (điểm I- IV) giáp đất còn lại của ông G thửa 1569 là 25m; dài hướng đông (điểm II – III) giáp đất còn lại của ông G thửa 1569 là 25m.

+ Điểm gửi của Điểm I: Điểm 1 là từ Điểm I kéo đến góc nhà trước bên phải của nhà bà Đ là 3,2m; điểm 2 là từ Điểm I kéo đến góc nhà trước bên trái của nhà bà Đ là 6,4m.

+ Điểm gửi của Điểm II: Điểm 1 là từ Điểm II kéo đến góc nhà trước bên trái của nhà bà Đ là 5,73m; điểm 2 là từ Điểm II kéo đến góc nhà sau bên trái của nhà bà Đ là 12,46m

+ Điểm gửi của Điểm III: Điểm 1 là từ Điểm III kéo đến góc nhà sau bên phải của nhà bà Đ là 12,93m; điểm 2 là từ Điểm III kéo đến góc nhà sau bên trái của nhà bà Đ là 14,57m.

+ Điểm gửi của Điểm IV: Điểm 1 là từ Điểm IV kéo đến góc nhà sau bên trái của nhà bà Đ là 14,61m; điểm 2 là từ Điểm IV kéo đến góc nhà sau bên phải của nhà bà Đ là 17,94m.

Có sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2014 và phụ lục đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai Tháp M kèm theo.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn G được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 7.970.700đ án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.225.000đ theo biên lai thu số BH/2017 0003749, quyển số 0000075, ngày 08/10/2018, bà Đ phải nộp thêm số tiền 4.745.700đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ông Nguyễn Văn G phải chịu 900.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đ chịu chi phí thẩm định 500.000đ, ông P được bà Đ ủy quyền đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn ông Nguyễn Văn G kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 46/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đ kháng cáo toàn bộ nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử buộc ông Nguyễn Văn G chuyển quyền sử dụng đất cho bà Đ 1000m^2 đất vườn và 2000m^2 đất ruộng mà bà được cha mẹ cho từ năm 1989 đến nay.

- Ông G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không đồng ý buộc hộ gia đình ông G giao cho bà Nguyễn Thị Đ diện tích 300m^2 tại một phần thửa 1569, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp vì ông G nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ là đúng theo quy định pháp luật năm 2007.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử buộc ông Nguyễn Văn G chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Đ 1000m^2 đất vườn và 2000m^2 đất ruộng theo nguyện

vọng của cha mẹ cho từ năm 1989 đến nay. Phần cây trồng của ông G trên đất bà Đ thì ông G tự di dời.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G thay đổi một phần nội dung kháng cáo, là ông đồng ý cho bà Đ quyền sử dụng đất trong phạm vi nhà đang ở ngang 6m, dài 12m thuộc một phần thửa 1569, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 5, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp. Trường hợp pháp luật giao cho bà Đ quyền sử dụng đất 300m^2 như án sơ thẩm thì toàn bộ cây trồng của ông G có trên phạm vi đất này ông G tự di dời hoặc đốn bỏ, không phải bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T thống nhất với ý kiến trình bày của bà Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H thống nhất với ý kiến trình bày của ông G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, không chấp nhận kháng cáo của ông G, sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự thỏa thuận của đương sự phần xử lý cây trồng có trên đất tranh chấp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng cụ Đ, cụ B là cha mẹ đẻ của các đương sự, 02 cụ đều đã chết vào năm 2006 và 2007, không để lại di chúc; đất lúc còn sống do cụ Đ đứng tên giấy. Hai cụ có 06 con là: Đ1, Đ, A, V, T và G; 02 cụ có 02 phần đất, 01 phần ở ấp 4 xã Đốc Binh K, 11 công đã chia cho 03 con trai là A, V và T; phần đất còn lại tại ấp 5, xã Đốc Binh K 24.800m^2, trong số này cụ Đ đã chuyển nhượng cho người khác 01 phần; số còn lại cụ đứng tên giấy tờ và sử dụng là 16.751m^2 gồm 05 thửa; năm 2007 cụ Đ chết, năm 2008 các đồng thừa kế hàng thứ nhất của các cụ, có cả bà Đ đã lập văn bản từ chối nhận thừa kế toàn bộ diện tích các thửa đất này; trên cơ sở đó ông G là người đang quản lý, sử dụng đất lập thủ tục chuyển quyền thừa kế QSDĐ được Nhà nước công nhận, cấp giấy CN.QSDĐ ngày 10/3/2008(03 giấy của 03 thửa) và sử dụng đất đến nay. Việc chuyển quyền thừa kế đất này cho ông G là đúng thủ tục và phù hợp pháp luật.

[2] Bà Đ tranh chấp yêu cầu ông G phải chia thừa kế cho bà Đ 2.000m^2 (đo thực tế 1.999,6m^2) thuộc 01 phần của 02 thửa đất số 1504 và 1506 đất ruộng lúa và 1.000m^2 (đo thực tế 956,9m^2) thuộc 01 phần của thửa số 1569 đất ruộng lúa, là không có căn cứ, vì đất tranh chấp này đã thuộc QSDĐ hợp pháp của ông

G, không còn là di sản thừa kế, các đồng thừa kế khác cũng có lời khai xác định bà Đ đã đồng ý ký giấy tờ không nhận đất thừa kế. Bà Đ khai nại là bà ký tên không nhận thừa kế đất, nhưng chỉ giao ông G đại diện bà đứng tên, lý lẽ khai nại này hoàn toàn không có căn cứ chứng minh.

[3] Tuy nhiên, trên diện tích thửa đất số 1569 có mặt tiền tiếp giáp lộ 846 bà Đ đã được cha mẹ cho xây dựng nhà ở (theo bà Đ xác định là năm 1989), ông G cũng thừa nhận cha mẹ cho chị Đ cất nhà ở gần mặt lộ để mua bán sinh sống vào năm 1999; các anh chị em của bà Đ cũng đều xác định bà Đ được cha mẹ cho cất nhà. Do vậy, phần đất bà Đ cất nhà ở, bà Đ sử dụng từ lúc cha Đ còn sống, coi như cha đã cho, không thuộc di sản thừa kế, bà Đ đã sử dụng ổn định và không có đất khác, nên giữ nguyên cho bà Đ sử dụng, mặt khác nguồn gốc đất là của cha mẹ, thuộc địa hình vùng nông thôn nên nhu cầu sử dụng là có khuôn viên đất chung quanh cho thuận tiện sinh hoạt là cần thiết, cho nên ông G chỉ đồng ý cho bà Đ QSDĐ nền nhà kích thước 6mx12m là không phù hợp, mà nên phải tạo không gian rộng, thông thoáng hơn theo như mức công nhận QSDĐ cho bà Đ như án sơ thẩm quyết định 300m^2 là phù hợp pháp luật và tập quán địa phương. Bà Đ kháng cáo đòi chia thừa kế diện tích đất như đơn khởi kiện là không phù hợp pháp luật.

[4]. Trên phạm vi đất tranh chấp có nhiều cây trồng toàn bộ là của ông G. Bà Đ và ông G đều thống nhất xác định trường hợp giao QSDĐ cho bà Đ, thì ông G tự di dời toàn bộ cây trồng, sự thỏa thuận này là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đ và ông G, sửa một phần bản án về công nhận sự thỏa thuận của đương sự cho ông G tự di dời toàn bộ cây trồng có trên 300m^2 đất công nhận QSDĐ cho bà Đ là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ những tình tiết nội dung nhận định trên, án sơ thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đ, buộc hộ ông Nguyễn Văn G giao cho bà Nguyễn Thị Đ diện tích đất 300m^2 là có cơ sở; và phải công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự thống nhất xử lý phần cây trồng là cần thiết, nên phải sửa án sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà Đ và ông G không phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định. Phần án phí sơ thẩm Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Đ phải chịu là đúng, nhưng buộc chịu theo mức có giá ngạch trên cơ sở giá trị tài sản yêu cầu chia là không đúng, vì tài sản là QSDĐ này đã được xác định không phải là di sản, nên phải áp dụng mức án phí không giá ngạch buộc bà Đ nộp là phù hợp pháp luật, nên phải sửa phần án phí.

[8]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 4 Điều 95, Điều 100, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 620 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn G, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ đối với hộ ông Nguyễn Văn G, bà Phan Thị H (L). Buộc hộ ông Nguyễn Văn G (gồm có ông Nguyễn Văn G, bà Phan Thị H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Quang V) cùng liên đới có nghĩa vụ giao diện tích đất 300m^2 (trong số này có đất nền nhà bà Đ đang ở) cho bà Nguyễn Thị Đ. Bà Nguyễn Thị Đ được quyền quyền sử dụng đất diện tích 300m^2 do hộ ông G giao (trong phạm vi các mốc giới số I, II, III, IV trên sơ đồ phục lục trích đo số 76 – 2014, ngày 30/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp M), loại đất trồng lúa, thuộc một phần của thửa 1569, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/3/2008 tên người sử dụng đất Nguyễn Văn G.

3. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng của ông G có trên phạm vi 300m^2 đất giao quyền sử dụng đất cho bà Đ nêu trên (Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 10/7/2019).

(Có sơ đồ đo đạc ngày 28/8/2014 và phục lục trích đo số 76 – 2014, ngày 30/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp M kèm theo bản án này).

4. Đề nghị Ủy ban nhân nhân huyện Tháp M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 300 m^2, loại đất trồng lúa, thuộc một phần diện tích trong thửa 1569, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện Tháp M cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn G ngày 10/3/2008, để cấp lại cho bà Nguyễn Thị Đ.

5. Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn G phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

6. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.225.000đ theo biên lai thu số 0003749, ngày 08/10/2018 và 300.000đ theo biên lai thu số 0002731 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp M, Đồng Tháp. Bà Đ còn được nhận lại số tiền là 3.225.000đ (Ba triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Văn G phải chịu 900.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002727 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp M, Đồng Tháp. Ông G còn phải nộp thêm số tiền là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

6. Chi phí tố tụng: Bà Đ phải chịu 500.000đ (đã nộp và chi xong).

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp M;
- CCTHADS huyện Tháp M;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương